

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 01 - 2018
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Hà Vĩnh
2. Ông Bùi Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 10/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 188/2017/TLST- HNGĐ ngày 02/11/2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị L; sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn Thượng, xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S; sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn Thượng, xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị L vắng mặt anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2017, trong bản tự khai ngày 08/11/2017 cũng như tại phiên tòa, chị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S hay uống rượu, mỗi lần say rượu thì chửi bới, đánh đập chị và đập phá đồ đạc trong nhà. Vì con, chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh S vẫn không thay đổi tính nết. Không chịu được cuộc sống như vậy nên chị đã đi làm ăn bên Trung Quốc một thời gian. Đến tháng 5 năm 2014, chị trở về nhưng không về nhà bố mẹ chồng để sống cùng chung anh S mà ra ở riêng và vợ chồng cũng ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

- Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 22/01/2004 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 12/12/2008. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, vì chị đi làm có thu nhập ổn định 6.000.000đ/tháng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con.

- Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh S hai lần để nộp bản tự khai nhưng anh S đều không có mặt nên không có bản tự khai của anh S trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Nguyễn Văn S không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh S theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Anh S đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh S đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập họp lệ anh S đến lần thứ hai để tham gia

phiên toà nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt anh S.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Nguyễn Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tính không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bạo lực gia đình. Sau khi đi làm ăn bên Trung Quốc về, chị L không sống chung cùng anh S nữa mà ra ở riêng và vợ chồng không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 5 năm 2014 đến nay. Việc này đã được các cấp chính quyền xã Thạch Lâm xác nhận. Nay chị L yêu cầu được ly hôn anh S, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị L được ly hôn anh S.

[3] Về con cái: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 22/01/2004 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 12/12/2008. Ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy, hiện tại cả hai cháu đều đang ở với chị L, để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt của các cháu, cũng như nguyện vọng của các cháu muốn được ở với mẹ, nên để chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu sẽ tốt cho tinh thần, sự phát triển và điều kiện học tập của các cháu. Chị L có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai cháu mà không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Ly, giao hai cháu A và cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[4] Về tài sản: Chị L không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con cái: Giao con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 22/01/2004 và Nguyễn Anh V, sinh ngày 12/12/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị L chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị L đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002138 ngày 01/11/2017. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị L vắng mặt anh S. Chị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Lâm;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Anh Đức

